

Số: 64/TB-TTHNQT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 11 năm 2021

THÔNG BÁO

**Danh sách học viên đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận hoàn thành khóa đào tạo “Tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa” tại TP. Hồ Chí Minh
Tháng 10 năm 2021**

Căn cứ Thông báo số 60/TB-TTHNQT của Trung tâm Hỗ trợ hội nhập quốc tế Thành phố Hồ Chí Minh về kết quả kỳ thi sát hạch khóa đào tạo “Tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa” tại TP. Hồ Chí Minh tháng 10 năm 2021;

Căn cứ quy chế và nội quy tổ chức khóa đào tạo đã phổ biến cho các học viên;

Trung tâm Hỗ trợ hội nhập quốc tế Thành phố Hồ Chí Minh thông báo danh sách các học viên đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận hoàn thành khóa đào tạo “Tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa” năm 2021 (*Bảng tổng hợp danh sách đính kèm*).

Nơi nhận:

- Các học viên theo DS;
- Cục XNK, Bộ CT (để b/cáo);
- Lưu: ĐT, VT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Huỳnh Minh Vũ



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 11 năm 2021

**BẢNG TỔNG HỢP DANH SÁCH CÁC HỌC VIÊN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN HOÀN THÀNH
KHÓA ĐÀO TẠO “TỰ CHỨNG NHẬN XUẤT XỨ HÀNG HÓA” NĂM 2021**
(Đính kèm công văn số .../TB-TTHNQT, ngày ... tháng 11 năm 2021)

STT	Số hiệu chứng nhận	Giới tính	Họ và tên	Năm sinh	Số CMND/ Thẻ căn cước	Hộ khẩu thường trú
1	A00209	Bà	Trần Thị Ngọc Ánh	12/03/1995	250950407	261/4 Trần Phú, P. Lộc Sơn, TP Bảo Lộc, Lâm Đồng
2	A00210	Bà	Nguyễn Thị Cẩm Châu	08/08/1987	066187000535	888/93 Lạc Long Quân, Phường 8, Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
3	A00211	Ông	Nguyễn Hoàng Chiến	11/01/1990	083090001022	538, Ấp Tiên Tây Vàm, Tiên Thủy, Châu Thành, Bến Tre
4	A00212	Bà	Thành Thị Bích Chiêu	12/09/1981	290662204	An Phú, An Tịnh, Trảng Bàng, Tây Ninh
5	A00213	Bà	Trần Ngọc Trang Đài	16/07/1992	272369722	15C, Tổ 1, Tân Phong, Biên Hòa, Đồng Nai

STT	Số hiệu chứng nhận	Giới tính	Họ và tên	Năm sinh	Số CMND/ Thẻ căn cước	Hộ khẩu thường trú
6	A00214	Bà	Trần Thị Ngọc Dung	04/02/1980	082180021944	13 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. 4, Thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang
7	A00215	Bà	Trần Thị Hồng Dung	01/02/1988	271826667	11F-A42 KP6, Phường Trung Dũng, Biên Hòa, Đồng Nai
8	A00216	Bà	Nguyễn Thị Duy Dương	06/04/1978	201429807	Tổ 36 Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Đà Nẵng
9	A00217	Bà	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	01/10/1994	052194010825	Tổ 11, Khu phố 3, Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Bình Định
10	A00218	Bà	Nguyễn Thị Hà	23/09/1980	038180010826	02 Nguyễn Mộng Tuân, Nam Ngạn, TP. Thanh Hóa, Thanh Hóa
11	A00219	Bà	Lê Hồng Hạnh	10/12/1989	280930162	Bưng Thuộc, Long Nguyên, Bến Cát, Bình Dương
12	A00220	Bà	Nguyễn Thị Hảo	29/08/1967	008167000067	Căn hộ 17.11, 128 Hồng Hà, Phường 9, Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh
13	A00221	Bà	Hồ Thu Hiền	03/02/1973	381622075	Phường 5, Thành phố Cà Mau, Cà Mau

STT	Số hiệu chứng nhận	Giới tính	Họ và tên	Năm sinh	Số CMND/ Thẻ căn cước	Hộ khẩu thường trú
14	A00222	Bà	Trần Thu Hiền	06/09/1988	271959100	174B4, KP10, Phường Tân Phong, Biên Hòa, Đồng Nai
15	A00223	Bà	Ngô Thị Huệ	14/11/1973	079173036824	27/23 Phan Sào Nam, Phường 11, Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
16	A00224	Ông	Trần Trương Mạnh Hùng	07/06/1996	049096016343	Thôn Lập Thuận, Đại Hồng, Đại Lộc, Quảng Nam
17	A00225	Ông	Nguyễn Thanh Hùng	25/12/1977	089077000112	7.03 Lô B C/c 44 Đặng Văn Ngữ, Phường 10, Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh
18	A00226	Bà	Vy Thị Mai Hương	25/10/1989	271981507	42/8, KP1, P. Tam Hòa, Biên Hòa, Đồng Nai
19	A00227	Bà	Đặng Thị Thu Hương	06/04/1975	001175020097	12 Đường 26, KP6, Phước Long B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh
20	A00228	Bà	Văn Thị Diệu Huyền	11/05/1991	241235100	Thôn 2, Xã Ea Hu, Huyện Cư Kuin, Đắk Lắk
21	A00229	Ông	Nguyễn Anh Khoa	03/11/1990	321398399	Ấp Định Hưng, Định Thủy, Mỏ Cày Nam, Bến Tre

STT	Số hiệu chứng nhận	Giới tính	Họ và tên	Năm sinh	Số CMND/ Thẻ căn cước	Hộ khẩu thường trú
22	A00230	Ông	Nguyễn Xuân Khôi	19/08/1990	034090013038	Thôn Vực, Thanh Liệt, Thanh Trì, Hà Nội
23	A00231	Bà	Nguyễn Thị Hoàng Lan	28/12/1983	281214121	P. Đông Hòa, thị xã Dĩ An, Bình Dương
24	A00232	Bà	Nguyễn Thị Anh Lệ	01/08/1991	212703459	Đức Hiệp, Mộ Đức, Quảng Ngãi
25	A00233	Bà	Phạm Thị Thùy Linh	26/11/1997	079197034670	125/9 Đường số 1, Phường 11, Gò Vấp, TP.Hồ Chí Minh
26	A00234	Bà	Nguyễn Thị Anh Linh	10/07/1992	215172648	Mỹ Hiệp, Phù Mỹ, Bình Định
27	A00235	Bà	Cao Trần Thảo Linh	26/11/1993	060193000163	69/22 Cao Thắng, Phường 17, Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh
28	A00236	Bà	Đỗ Ngọc Linh	14/09/2000	251156601	Nghĩa Hiệp 1, Ka Đô, Đơn Dương, Lâm Đồng
29	A00237	Bà	Vũ Thị Hoàng Linh	11/12/1988	030188006945	P. Bình Hàn, Thành phố Hải Dương, Hải Dương

STT	Số hiệu chứng nhận	Giới tính	Họ và tên	Năm sinh	Số CMND/ Thẻ căn cước	Hộ khẩu thường trú
30	A00238	Bà	Mã Thị Thanh Mai	09/08/1988	112177295	Hòa Thạch, Quốc Oai, Hà Nội
31	A00239	Bà	Hồ Đức Minh	21/06/1980	079180021493	203/86 Lãnh Binh Thăng, Phường 12, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh
32	A00240	Bà	Võ Huỳnh Nguyên Nghĩa	06/11/1990	082190021223	90, Ô 3, Khu 1, Thị trấn Chợ Gạo, Huyện Chợ Gạo, Tỉnh Tiền Giang
33	A00241	Bà	Hoàng Hiếu Nhân	09/11/1991	049191001139	Thôn Phú Đông, Đại Hiệp, Đại Lộc, Quảng Nam
34	A00242	Bà	Võ Quỳnh Như	05/11/1994	341725735	An Lợi, An Khánh, Châu Thành, Đồng Tháp
35	A00243	Bà	Trần Nữ Hồng Nhung	07/08/1985	077185000393	50/21 Hoàng Văn Thụ, Phường 7, Vũng Tàu, Bà Rịa - Vũng Tàu
36	A00244	Bà	Phạm Thị Tuyết Nhung	02/01/1986	077186001509	124/23 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Thắng Tam, Vũng Tàu, Bà Rịa - Vũng Tàu
37	A00245	Ông	Hồ Thanh Phong	26/06/1984	321139916	61, Khu phố 4, Phú Tân, TP. Bến Tre, Bến Tre

STT	Số hiệu chứng nhận	Giới tính	Họ và tên	Năm sinh	Số CMND/ Thẻ căn cước	Hộ khẩu thường trú
38	A00246	Ông	Nguyễn Quan Minh Phú	21/09/1998	079098031853	393/5, Cách Mạng Tháng 8, P.13, Q.10, TP. Hồ Chí Minh
39	A00247	Bà	Đoàn Thị Hoàng Phương	13/09/1987	049187001567	91 Cao Xuân Dục, Thuận Phước, Hải Châu, Đà Nẵng
40	A00248	Bà	Bùi Thị Ngọc Phương	29/07/1993	250908812	Lạc Bình, Lạc Xuân, Đơn Dương, Lâm Đồng
41	A00249	Bà	Lê Thị Hồng Phượng	30/06/1988	077188001533	Tân Ngọc, Phú Mỹ, Tân Thành, Bà Rịa - Vũng Tàu
42	A00250	Bà	Huỳnh Kim Phượng	03/03/1973	082173000748	Ấp Tân Thạnh, Tân Lý Tây, Châu Thành, Tiền Giang
43	A00251	Ông	Huỳnh Hoàng Nam Quốc	20/01/1989	250783067	36 - Ngô Quyền, F6. Đà Lạt, Lâm Đồng
44	A00252	Ông	Phạm Sĩ	05/07/1988	049088001513	149/5 Nguyễn Du, Thạch Thang, Hải Châu, Đà Nẵng
45	A00253	Bà	Nguyễn Thị Thanh Tâm	11/07/1994	321523893	77/BB. Mỹ Chánh, Ba Tri, Bến Tre

STT	Số hiệu chứng nhận	Giới tính	Họ và tên	Năm sinh	Số CMND/ Thẻ căn cước	Hộ khẩu thường trú
46	A00254	Ông	Nguyễn Võ Thành	05/09/1983	001083044214	Tập thể 19/3, Vĩnh Quỳnh, Thanh Trì, Hà Nội
47	A00255	Bà	Nguyễn Thị Thạch Thảo	04/08/1995	273517240	Ấp 2B, Bàu Lâm, Xuyên Mộc, Bà Rịa - Vũng Tàu
48	A00256	Bà	Trần Thị Phương Thảo	18/10/1992	212785561	Hành Minh, Nghĩa Hành, Quảng Ngãi
49	A00257	Bà	Nguyễn Thanh Thảo	25/03/1988	079188005929	36 Đường 21 KP3, Phường Tân Quy, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh
50	A00258	Bà	Võ Ngọc Quỳnh Thu	16/01/2000	079300007007	90/12/36 Bông Sao, Phường 5, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh
51	A00259	Bà	Lương Nguyễn Bảo Thủy	17/02/1987	075187000901	33/45/8B Nguyễn Sỹ Sách, Phường 15, Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
52	A00260	Bà	Nguyễn Thị Thủy	15/06/1991	087191002029	136/1 Khu phố 8, Thị trấn Bến Lức, Bến Lức, Long An
53	A00261	Bà	Huỳnh Thị Thanh Trúc	27/08/1989	271906071	Ấp Ông Hường, Thiện Tân, Vĩnh Cửu, Đồng Nai

STT	Số hiệu chứng nhận	Giới tính	Họ và tên	Năm sinh	Số CMND/ Thẻ căn cước	Hộ khẩu thường trú
54	A00262	Ông	Châu Phước Trực	21/04/1986	321162071	Ấp Long An, Long Hòa, Bình Đại, Bến Tre
55	A00263	Bà	Nguyễn Thị Diễm Tú	22/03/1991	321355467	Ấp Thành Hóa 2, Tân Thành Bình, Mỏ Cày Bắc, Bến Tre
56	A00264	Bà	Châu Thị Kim Xuyên	07/04/1996	079196035953	29/3 KP6, Thới An, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh